

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 8 - 2024

V/v tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Sơn

2. Ông Lê Trường Hận

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Minh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Minh Muội – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Trần Việt T, sinh năm 1989; nơi đăng ký thường trú: Khu phố X, thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ tạm trú: Số N, đường L, khóm V, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

2. **Bị đơn:** Chị Nguyễn Bích T1, sinh năm 1989; nơi đăng ký thường trú: Khu phố X, thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ tạm trú: Số N, đường L, khóm V, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Trần Việt T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T1 tự nguyện kết hôn, có tổ chức đám cưới theo phong tục vào năm 2007, có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật vào ngày 27/6/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang. Việc kết hôn là do hai người tự nguyện không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị lúc đầu rất hạnh phúc nhưng

về sau do bất đồng quan điểm sống, không phù hợp về tính tình nên thường cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tuy hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn, tạo cơ hội cho đôi bên nhưng mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Nay anh T cảm thấy cuộc sống vợ chồng với chị T1 không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên anh T xin ly hôn với chị T1.

Về con chung: Anh T xác định trong quá trình chung sống giữa anh và chị T1 có 02 con chung là cháu Trần Việt N, sinh ngày 14/01/2007 và cháu Trần Thị Bảo H, sinh ngày 24/01/2013. Tại đơn khởi kiện, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con và đồng ý giao cháu H cho chị T1 nuôi dưỡng và không thực hiện cấp dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T thay đổi ý kiến, anh đồng ý cho chị T1 nuôi dưỡng cả cháu N và cháu H.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Bích T1 đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, được Tòa án triệu tập họp lệ đến làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T1 vắng mặt, không ghi nhận được ý kiến của chị T1 về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân Thủ pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Trần Việt T có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Bích T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T1 là đúng quy định. Về tố tụng Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Về việc giải quyết vụ án: Anh T và chị T1 chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn Theo quy định pháp luật ngày 27/6/2019 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Giữa anh T và chị T1 phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T. Về con chung: Cháu Trần Việt N, sinh ngày 14/01/2007 và cháu Trần Thị Bảo H, sinh ngày 24/01/2013 đang sống chung với anh T và chị T1, anh T đồng ý giao cả hai cháu cho chị T1 nuôi dưỡng chăm sóc nên giao cháu H, cháu N cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền ngăn cản. Do chị T1 không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với tài sản chung anh T và chị T1 thống nhất tự thỏa thuận và nợ chung không có nên đề nghị không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

Về tố tụng:

Anh Trần Việt T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Bích T1, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn Chị Nguyễn Bích T1 có cư trú tại số N, đường L, khóm V, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn anh Trần Việt T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Chị Nguyễn Bích T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt vì vậy nên căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Việt T và chị Nguyễn Bích T1 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 27/6/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, anh T có đơn yêu cầu ly hôn, chị T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng trực tiếp nhưng vắng mặt không có ý kiến, anh T kiên quyết ly hôn cho thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cả anh T và chị T1 không thiết tha vun đắp cuộc sống gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị anh Trần Việt T.

[2] Về nuôi con chung: Anh T xác định anh và chị T1 có 02 con chung là cháu Trần Việt N, sinh ngày 14/01/2007 và cháu Trần Thị Bảo H, sinh ngày 24/01/2013. Hiện cháu N và cháu H đang sống chung với anh T và chị T1. Anh T đồng ý giao cháu H và cháu N cho chị T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị T1 không có ý kiến trình bày nhưng xét thấy rằng hiện cả hai cháu N và H là bé gái và đang chung sống với chị T1 nên để đảm bảo cuộc sống ổn định, sự phát triển tâm sinh lý bình thường của các cháu giao cả hai con chung cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T1 không yêu cầu. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc các con chung mà không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, không có nợ chung và không ai nợ anh chị chị T1 không có ý kiến phản đối về vấn đề này nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Anh Trần Việt T có yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Bích T1 nên anh T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Việt T đối với chị Nguyễn Bích T1.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 cháu Trần Việt N, sinh ngày 14/01/2007 và Trần Thị Bảo H, sinh ngày 24/01/2013 cho chị Nguyễn Bích T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành.

Anh Trần Việt T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T1 không yêu cầu. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Trần Việt T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002668 ngày 15/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
-CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
-UBND nơi đăng ký kết hôn;
-Đương sự;
-Lưu HS.

Lâm Thị Tuyết Anh